

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH Tuần 24 (10/06-14/06/2024)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

- Mỹ: Tỷ lệ lạm phát giảm xuống 3,3%; Hoạt động xuất nhập khẩu giảm trong tháng 5/2024; Chỉ số giá sản xuất giảm;
- Khu vực EURO: Thặng dư thương mại trong tháng 04/2024 đạt 15 tỷ EUR, thấp hơn so với kỳ vọng;
- Nhật Bản: Sản xuất công nghiệp Nhật Bản giảm nhiều hơn dự báo;
- Trung Quốc: Tăng trưởng sản lượng công nghiệp thấp hơn ước tính;
- World Bank: Nâng nhẹ triển vọng kinh tế thế giới 2024;
- FED: Tiếp tục giữ nguyên mức lãi suất cơ sở, không thực hiện điều chỉnh đối với các dự báo GDP;
- BOJ: Nhất trí duy trì mức lãi suất ngắn hạn.

Kinh tế - tài chính Việt Nam

- Tập trung thực hiện 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp để đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển thương mại điện tử;
- Không để tăng lương dẫn đến tăng giá bất hợp lý;
- Đà hồi phục kinh tế được duy trì trong nửa cuối năm 2024
- Lãi suất VND liên ngân hàng tăng ở hầu hết các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống;
- Tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng - giảm qua phiên giữa tuần trước khi tăng trở lại vào cuối tuần;
- Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được 134.721 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu;
- Thanh khoản các sàn đạt bình quân 28.035 tỷ đồng/phiên, khối ngoại đã bán ròng trên 3 sàn hơn 42.750 tỷ VND cổ phiếu trên TTCK tuần qua.

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/-1W	%+/-M	%+/-Y
Qua đêm	4.52	0.8	8.5	-1.68
1 Tuần	4.66	-2.38	12.05	-10.58
2 Tuần	4.6	-3.01	12.68	-11.96
1 Tháng	4.78	1.39	11.77	-8.15
3 Tháng	5.44	-0.69	11.79	-10.6
6 Tháng	5.85	4.39	10.01	-6.53
9 Tháng	6.03	-17.91	32.28	-44.25

Ghi chú: Ngày áp dụng 13/06/2024

Bảng 2. Thị trường mở

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng gọi thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
10/06/2024	7		1/1	894,57	4,5
	28		3/3	2.100	4,25
11/06/2024	7		2/2	1.529,89	4,5
	28		2/2	1.300	4,25
12/06/2024	28		2/2	600	4,25
13/06/2024	7		1/1	550,7	4,5
	28		4/4	2.650	4.25
14/06/2024	7		1/1	2.131,68	4,5
	28		2/2	700	4,25

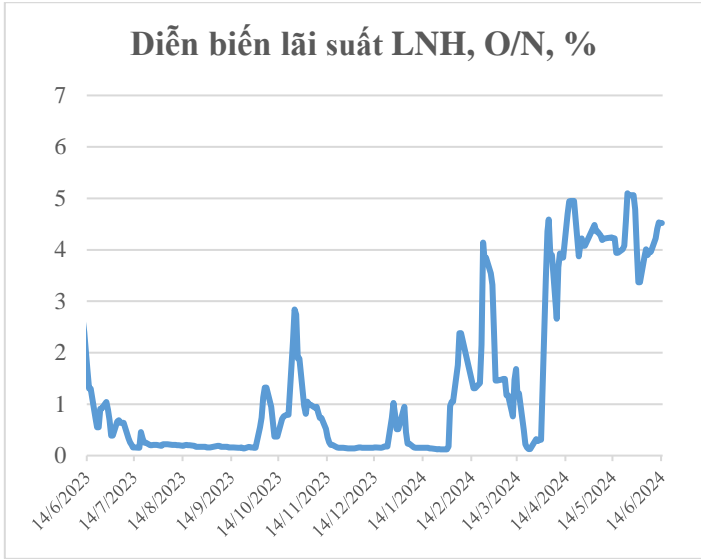
Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2024		Tuần 24 (10-14/06/2024)			
Tỷ lệ đăng ký (lần)		1,29		1,51			
Tỷ lệ trúng thầu (%)		58%		66%			
Chi tiết gọi thầu		Giá trị (tỷ VND)		Giá trị (tỷ VND)			
1	3 Năm						
2	5 Năm	49.750		1.000			
3	7 Năm	4.500		-			
4	10 Năm	85.250		4.500			
5	15 Năm	72.250		2.000			
6	20 Năm	9.000		500			
7	30 Năm	12.750		500			
	Tổng	233.500		8.500			
Chi tiết đặt thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)		
1	3 Năm						
2	5 Năm	59.566	1,3	2.500	1,83		
3	7 Năm	1.750	2	-			
4	10 Năm	139.594	2,08	8.551	2,73		
5	15 Năm	77.724	2,28	1.400	2,93		
6	20 Năm	7.696	2,6	100	3,2		
7	30 Năm	14.207	2,8	320	3,1		
	Tổng	300.537		12.871			
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	So với tuần trước	So với đầu năm 2024
1	3 Năm						
2	5 Năm	34.750	1,37	1.000	1,83	-	+0,33
3	7 Năm	400	2,02	-	-		
4	10 Năm	54.889	2,15	4.500	2,74	+0,03	+0,59
5	15 Năm	36.506	2,35	-	-		
6	20 Năm	3.970	2,65	-	-		
7	30 Năm	4.206	2,85	70	3,1	-	+0,25
	Tổng	134.721		5.570			

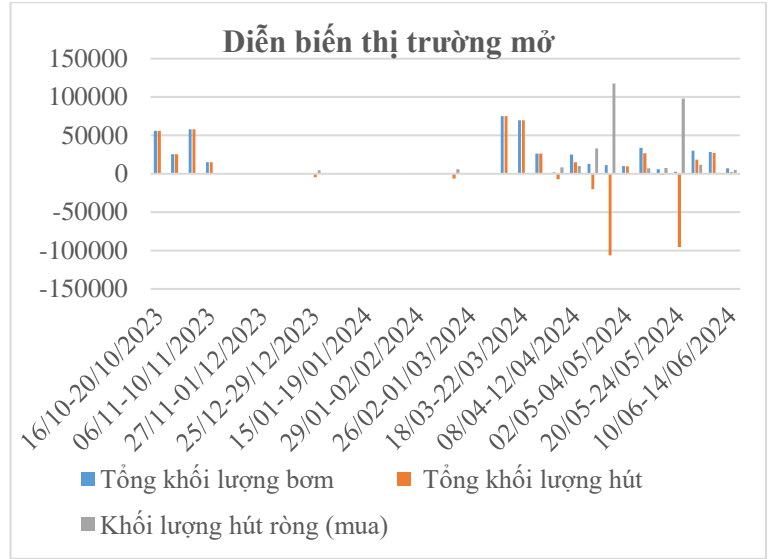
Nguồn: HNX, LS (min)

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

2.1. Thị trường tiền tệ

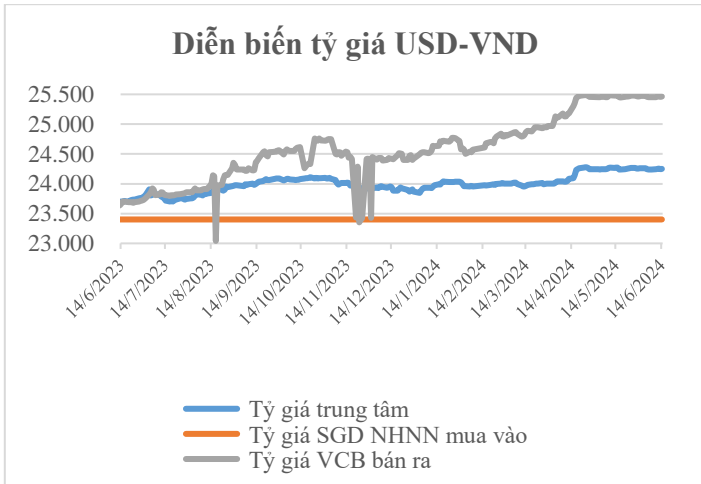


Nguồn: NHNN

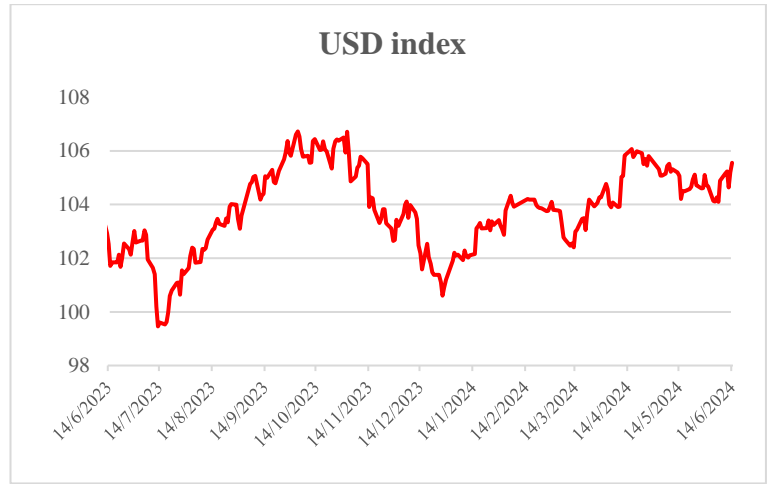


Nguồn: NHNN

2.2. Thị trường ngoại hối

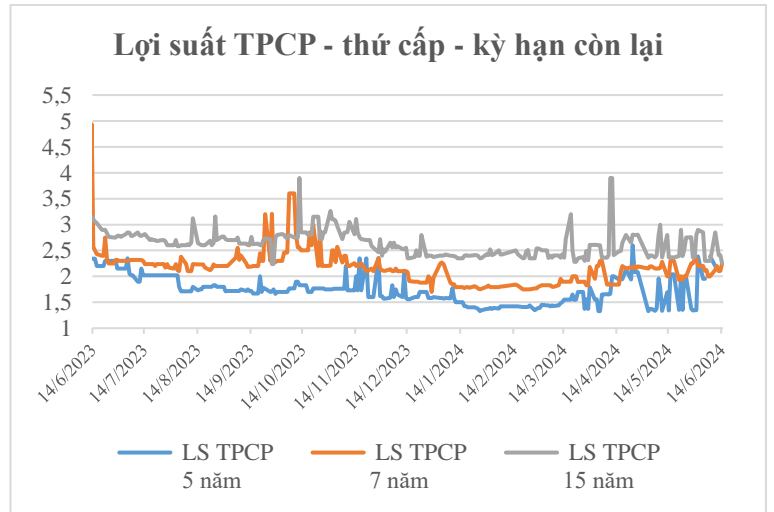


Nguồn: NHNN



Nguồn: Trading economics

2.3. Thị trường vốn



Nguồn: HNX, HSX, TTTT tổng hợp

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TUẦN 24 (10/06-14/06/2024)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	5.25%	5.00%	26/07/2023	31/07/2024
ECB	EURO Zone	4.50%	4.25%	14/09/2023	18/07/2024
BOJ	Nhật Bản	0.10%	0.00 %	19/03/2024	31/07/2024
PBoC	Tr/Quốc	3.45%	3.55 %	21/08/2023	NA
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	18/06/2024
BoE	Anh	5.25%	5.00%	03/08/2023	20/06/2024
BOK	Hàn Quốc	3.50%	3.25 %	13/01/2023	11/07/2024
BI	Indonesia	6.25%	6.00%	24/04/2024	20/06/2024
BNM	Malaysia	3.00%	2.75%	03/05/2023	11/07/2024
BOT	Thái Lan	2.50%	2.25%	27/09/2023	21/08/2024
CBR	Nga	16.00%	15.00%	15/12/2023	NA

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_% theo W	+/_% theo M	+/_% YoY
EURUSD	1.07016	-0.92%	-1.71%	-2.22%
GBPUSD	1.26856	-0.23%	-0.02%	-0.75%
AUDUSD	0.66148	0.55%	-1.27%	-3.92%
USDJPY	157.370	0.40%	1.99%	12.19%
USDCNY	7.27033	0.11%	0.83%	2.11%
USDCAD	1.37331	-0.24%	1.00%	3.87%
USDRUB	89.6150	0.24%	2.26%	8.92%
USDKRW	1383.32	0.24%	2.26%	8.92%
DXY	105.522	0.55%	1.27%	3.34%
USDTHB	36.6800	-0.41%	1.13%	6.04%
USDSGD	1.35330	0.08%	0.72%	1.26%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_% W	+/_% M	+/_% YoY
United States	4.2209	-0.21%	-0.12%	0.49%
United Kingdom	4.0592	-0.20%	-0.01%	-0.32%
Japan	0.9380	-0.03%	-0.02%	0.51%
Australia	4.1550	-0.08%	-0.18%	0.13%
Germany	2.3570	-0.26%	-0.06%	-0.15%
China	2.2920	-0.02%	-0.01%	-0.39%
Singapore	3.1670	-0.04%	-0.10%	0.14%
South Korea	3.3110	-0.08%	-0.14%	-0.37%
Taiwan	1.6540	0.08%	0.05%	0.47%
Thailand	2.7750	0.01%	-0.01%	0.23%
Vietnam	2.9010	-0.01%	0.02%	-0.16%
Hong Kong	3.5690	-0.09%	-0.25%	-0.05%
Indonesia	7.1400	0.23%	0.21%	0.86%
Malaysia	3.8710	0.00%	-0.05%	0.04%
Philippines	6.6870	0.03%	-0.19%	0.61%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/_% 1 W	+/_% 1 M	+/_% YTD	+/_% 1Y	+/_% 3 Y
Dow Jones	-0.54%	-3.54%	+2.39%	+12.51%	+14.09%
S&P 500	+1.58%	+2.42%	+13.87%	+23.18%	+28.65%
Nasdaq	+3.27%	+6.04%	+17.87%	+29.25%	+24.94%
DAX	-2.89%	-3.66%	+7.57%	+10.17%	+14.58%
FTSE 100	-1.19%	-3.25%	+5.35%	+6.60%	+13.89%
CAC 40	-6.23%	-8.13%	-0.53%	+1.55%	+12.56%
Euro Stoxx 50	-4.21%	-4.45%	+7.01%	+10.10%	+16.36%
Nikkei 225	+0.44%	+0.17%	+16.11%	+15.27%	+33.90%
Shanghai	-0.61%	-3.85%	+1.94%	-7.35%	-13.98%
Hang Seng	-2.31%	-8.24%	+5.25%	-10.47%	-37.18%
SET	-1.96%	-5.51%	-7.72%	-16.21%	-19.23%
KOSPI	+1.31%	+1.24%	+3.88%	+5.05%	-15.52%
IDX Com	-2.21%	-7.81%	-7.25%	+0.70%	+11.16%
PSEi	-2.07%	-3.55%	-1.03%	-1.92%	-7.32%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_% W	+/_% M	+/_% Y
Crude Oil USD/Bbl	78.450	3.87%	-0.23%	10.73%
Natural gas USD/MMBtu	2.8810	-1.27%	19.25%	10.55%
Gasoline USD/Gal	2.4035	0.97%	-4.09%	-5.29%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	2332.23	1.71%	-2.49%	19.13%
Silver USD/t.oz	29.549	1.34%	-0.62%	23.87%
Lithium CNY/T	97500	-3.94%	-7.58%	-68.80%
Platinum SD/t.oz	962.80	-0.73%	-10.84%	-2.30%

3. Khoáng sản	Giá	+/_% W	+/_% M	+/_% Y
Copper USD/Lbs	4.4950	0.26%	-8.72%	15.26%
Steel CNY/T	3455.00	0.20%	-0.49%	-8.65%
Iron Ore USD/T	107.33	-1.06%	-7.71%	-4.96%
Aluminum USD/T	2517.50	-2.35%	-3.12%	11.91%
Tin USD/T	32318	2.75%	-3.27%	18.71%
Zinc USD/T	2767.50	0.02%	-7.01%	11.57%
Nikel USD/T	17575	-2.53%	-9.82%	-23.26%
Coal USD/T	135.15	1.62%	-4.49%	-0.59%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. Kinh tế - thương mại - đầu tư

Mỹ:

Tỷ lệ lạm phát giảm xuống 3,3% vào tháng 05/2024, so với mức 3,4% trong tháng 04/2024 và dự báo là 3,4%, đây cũng là mức lạm phát thấp nhất trong ba tháng.

Tỷ lệ lạm phát lõi (tháng 4/tháng 5/dự báo):

MoM: +3,6%/3,4%/3,2%

CPI tháng 05/2024:

+0,2% yoy, tăng hơn so tháng 4/2024

+ giảm nhẹ 0,1% mom so với mức tăng 0,3% ở tháng trước

Đánh dấu mức tăng giá chậm nhất trong bảy tháng.

Hoạt động ngoại thương tháng 05/2024

Giá xuất khẩu: -0,6%, giảm so với mức tăng đã được điều chỉnh tăng trong tháng trước và cũng là mức giảm đầu tiên từ tháng 12/2023

Giá nhập khẩu: -0,4%, mức giảm đầu tiên trong năm, nhằm cắt mức tăng 0,9% trong tháng 04/2024 và ngược lại với dự báo tăng 0,1%

Tâm lý người tiêu dùng đã giảm tháng thứ 3 liên tiếp xuống 65,6 điểm vào tháng 06/2024, thấp hơn dự báo là 72 điểm và đây cũng là mức thấp nhất kể từ tháng 05/2023 là 69,1 điểm.

Khu vực Châu Âu:

Thặng dư thương mại thấp hơn kỳ vọng

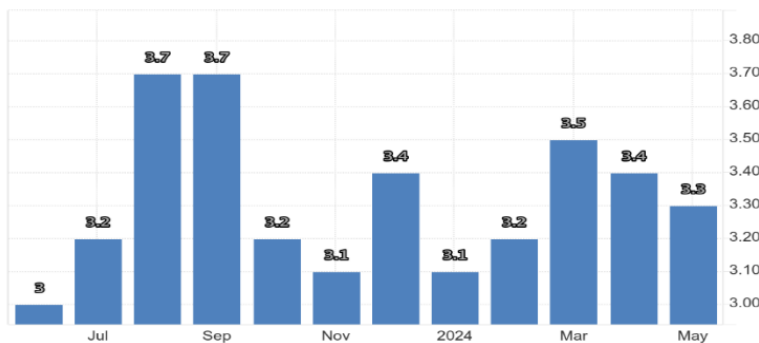
Khu vực đồng euro đã công bố thặng dư thương mại 15 tỷ EUR vào tháng 4/2024, thấp hơn kỳ vọng của thị trường là 20 tỷ EUR và so với khoảng cách 11,1 tỷ EUR trong cùng tháng của năm trước. Nhập khẩu tăng 1,8% lên 232,5 tỷ EUR, trong khi xuất khẩu tăng 14% lên 247,6 tỷ EUR

Đồng EUR trên đà giảm

Đồng Euro đã giảm 0,1% xuống còn 1,072 đô la vào thứ Sáu, kéo dài mức giảm hàng tuần lên khoảng 0,8% và đóng cửa ở mức thấp nhất kể từ đầu tháng 5/2024, chịu áp lực bởi bất ổn chính trị ở Pháp. Cuộc bầu cử Nghị viện châu Âu làm dấy lên những lo ngại lớn về sự ổn định tài chính và mức nợ trong nước, thúc đẩy một đợt bán tháo trái phiếu ở Pháp và Ý

Tỷ lệ lạm phát giảm

US Inflation Rate - percent



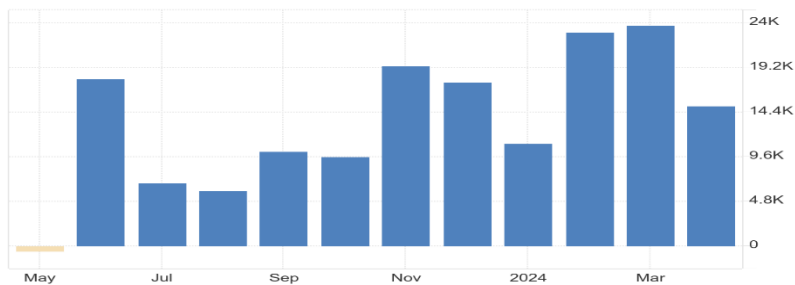
Source: tradingeconomics.com | U.S. Bureau of Labor Statistics

Chỉ số giá sản xuất tính đến tháng 5/2024 giảm

Văn phòng Thống kê Mỹ công bố: “PPI giảm 0,2% MoM trong tháng 05/2024 sau khi tăng 0,5% ở tháng trước và yếu hơn dự báo là tăng 0,1%”

Nguồn: BLS/Tradingeconomics

EA Balance of Trade - EUR Million



Source: tradingeconomics.com | EUROSTAT

Euro US Dollar



source: tradingeconomics.com

Nhật Bản:

Sản xuất công nghiệp Nhật Bản giảm nhiều hơn dự báo

Sản xuất công nghiệp ở Nhật Bản tháng 5/2024 đã giảm 0,9% so với tháng trước trong tháng 4/2024, thấp hơn nhiều so với mức dự báo giảm 0,1% và sau khi tăng trưởng 4,4% vào tháng 3/2023, mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 6/2022.

GDP Q1/2024 giảm ít hơn dự kiến

Nền kinh tế Nhật Bản giảm 1,8% trong Q1/2024, ít hơn so với dự báo ban đầu là 2% sau khi tăng trưởng 0,4% trong Q4/2023.

Sự sụt giảm này là do tiêu dùng tư nhân vẫn yếu, áp lực giá tăng, lương tăng chậm và ảnh hưởng của trận động đất vào ngày đầu năm.

Trung Quốc:

Tăng trưởng sản lượng công nghiệp của Trung Quốc thấp hơn ước tính

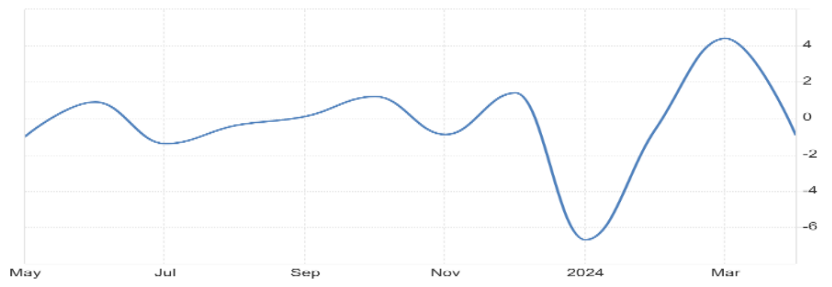
Sản xuất công nghiệp của Trung Quốc đã tăng 5,6% so với cùng kỳ năm ngoái vào tháng 5/2024, thấp hơn kỳ vọng của thị trường là tăng 6% và giảm bớt so với mức tăng 6,7% trong tháng trước đó. Sản lượng chậm lại đối với sản xuất (6% so với 7,5% trong tháng 4) và tiện ích (4,3% so với 5,8%).

Tăng trưởng doanh số bán lẻ Trung Quốc leo lên mức cao nhất 3 tháng, vượt dự báo

Doanh số bán lẻ của Trung Quốc đã tăng 3,7% so với cùng kỳ năm ngoái vào tháng 5/2024, tăng tốc từ mức thấp nhất trong mười lăm tháng là tăng 2,3% trong tháng trước đó và so với dự báo của thị trường là tăng 3%. Điều này đánh dấu tháng tăng trưởng thứ 16 liên tiếp của thương mại bán lẻ và mạnh nhất kể từ tháng 2/2024

Sản xuất công nghiệp giảm nhiều hơn dự báo

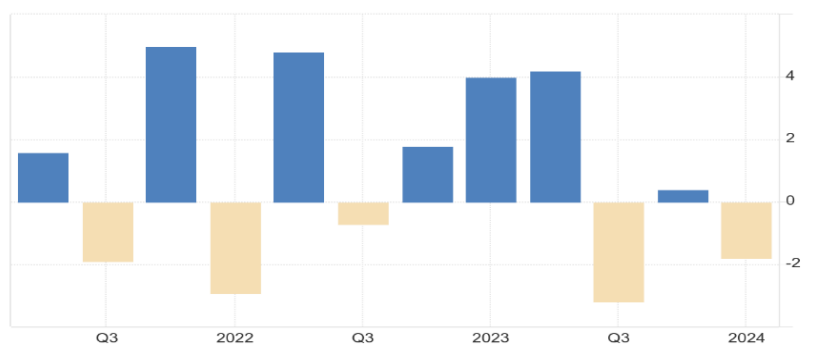
JP Industrial Production Mom - percent



Source: tradingeconomics.com | Ministry of Economy Trade & Industry (METI)

DDP Q1/2024 giảm ít hơn dự kiến

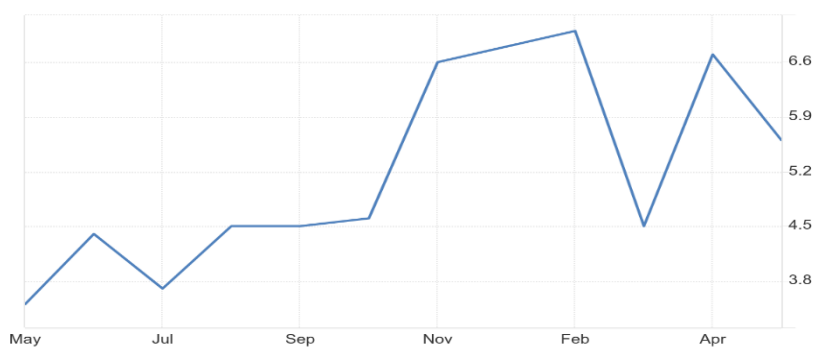
JP GDP Growth Annualized - percent



Source: tradingeconomics.com | Cabinet Office, Japan

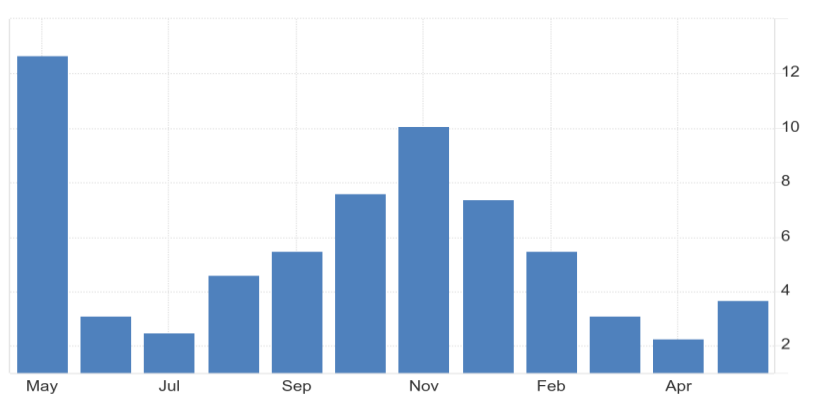
Nguồn: Tradingeconomics

CN Industrial Production - percent



Source: tradingeconomics.com | National Bureau of Statistics of China

CN Retail Sales YoY - percent



Source: tradingeconomics.com | National Bureau of Statistics of China

Nguồn: Tradingeconomics

World Bank nâng nhẹ triển vọng kinh tế thế giới 2024

Trong báo cáo vừa công bố, WB dự báo GDP toàn cầu tăng 2,6% trong năm nay (+0,2 đpt so với dự báo trước) và 2,7% trong năm 2025 (không đổi). Trong dự báo này, tại các nền kinh tế phát triển, GDP tại Mỹ 2024 được điều chỉnh mạnh lên 2,5%, và lên 1,8% trong năm sau, GDP Eurozone lần lượt tăng 0,7% (không đổi) và 1,4%, GDP Nhật Bản lần lượt tăng 0,7% và 1,0%

Theo WB, kinh tế toàn cầu đang ổn định trở lại sau nhiều năm với những cú sốc tiêu cực.

Giá hàng hóa thế giới tuần qua

Giá vàng thế giới có dấu hiệu tăng trở lại

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng vàng giao ngay dao động khoảng 2310 USD/oz, sau khi giảm hơn 1% trong phiên giao dịch trước đó.

Tuy nhiên, đà giảm của lạm phát nhìn chung đang có xu hướng chậm lại, khiến NHTW tại các nền kinh tế tiên tiến và mới nổi có thể duy trì sự thận trọng, mặt bằng lãi suất cao sau đại dịch sẽ kéo dài hơn dự kiến. Bên cạnh đó, WB cảnh báo căng thẳng địa chính trị leo thang có thể dẫn đến biến động giá cả hàng hóa, đặc biệt trong thời kỳ chính sách thương mại giữa các quốc gia trở nên không chắc chắn.

Nguồn: Worldbank

Giá dầu thị trường quốc tế

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng dầu Brent giảm 0,1% xuống 82,62 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI cũng giảm 0,2% xuống còn 78,45 USD/thùng.

Hai hợp đồng dầu giảm do việc tâm lý người tiêu dùng Mỹ xuống mức thấp nhất trong 7 tháng qua.

Nguồn: OPEC/Kitco

II. Thị trường tài chính

NHTW các nước

FED: Tiếp tục giữ nguyên mức lãi suất cơ sở, không thực hiện điều chỉnh đối với các dự báo GDP.

Trong phiên họp ngày 12/06, Fed vẫn sẽ giữ nguyên mức lãi suất cơ sở 5,25%-5,50%. Lạm phát vẫn ở mức cao, tiến độ đưa lạm phát về mức mục tiêu 2,0% dựa trên dữ liệu những tháng gần nhất cho thấy sự khiêm tốn hơn so với trước.

Theo dự báo của Fed, trong năm 2024 và 2025, tốc độ tăng GDP bình quân sẽ lần lượt ở mức 2,1% và 2,0% (cùng không thay đổi so với dự báo tháng 3); tỷ lệ thất nghiệp lần lượt là 4,0% (không đổi) và 4,2% (+0,1 đpt); chỉ số giá tiêu dùng cá nhân PCE toàn phần lần lượt là 2,6% và 2,3%, PCE lõi là 2,8% và 2,3%.

Quan trọng hơn, Fed dự báo LSCS sẽ ở khoảng 5,1% ở cuối năm 2024 (+0,5 đpt so với dự báo tháng 3) và 4,1% năm 2025 (+0,2 đpt).

Nguồn: Bloomberg/Tradingeconomics

BOJ: Nhất trí duy trì mức lãi suất ngắn hạn

Tại cuộc họp tháng 6 vừa qua, NHTW Nhật Bản nhất trí duy trì mức lãi suất ngắn hạn ở mức 0%-0,1% sau khi thực hiện đợt tăng lãi suất đầu tiên kể từ năm 2007 và kết thúc 8 năm lãi suất âm vào tháng 3

Đồng thời, hội đồng quản trị cho biết họ có thể xem xét cách bắt đầu giảm việc mua trái phiếu tại cuộc họp tháng 7. BoJ hiện mua khoảng 6 nghìn tỷ JPY trái phiếu mỗi tháng. Tuyên bố hôm thứ Sáu đề cập rằng nền kinh tế Nhật Bản đã phục hồi vừa phải mặc dù có sự mong manh ở một số khu vực.

Về lạm phát, số liệu so với cùng kỳ năm ngoái nằm trong khoảng từ 2 đến 2,5%, với kỳ vọng lạm phát tăng khiêm tốn. Trong khi đó, CPI cơ bản dự kiến sẽ tăng dần.

Nguồn: BOE/Reuters/Tradingeconomics

B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. Kinh tế vĩ mô

Tập trung thực hiện 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp để đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển thương mại điện tử.

Thủ tướng yêu cầu:

- Thứ nhất, khẩn trương hoàn thiện thể chế phục vụ phát triển dữ liệu về dân cư, kết nối, chia sẻ dữ liệu nói riêng và chuyển đổi số quốc gia nói chung; các bộ, ngành, địa phương phải chủ động, tích cực, sáng tạo theo thẩm quyền, không trông chờ, không ỷ lại.

- Thứ hai, đẩy mạnh đơn giản hóa, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính để nâng cao số lượng, chất lượng dịch vụ công cung cấp cho người dân.

- Thứ ba, đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành, địa phương, tạo tiền đề cho phát triển, khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia và hình thành kho thông tin định danh số cho công dân, tổ chức trong thực hiện các thủ tục hành chính.

Không để tăng lương dẫn đến tăng giá bất hợp lý:

Phó thủ tướng yêu cầu:

- Các bộ, ngành theo dõi sát diễn biến giá cả hàng hóa thị trường thế giới và trong nước để đề ra những giải pháp và kịch bản phù hợp, kịp thời, tinh thần phải kiểm soát được trong mức giới hạn Quốc hội cho phép là 4,5%. Đảm bảo thông suốt việc cung ứng và lưu thông hàng hóa, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ.

- Tiếp tục lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ công theo thẩm quyền cho phù hợp, trong đó nêu rõ mức độ, thời điểm tăng giá và phải phối hợp với Tổng cục Thống kê các cơ quan có liên quan đánh giá tác động, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

UOB (NH Singapore): Đà hồi phục kinh tế được duy trì trong nửa cuối năm 2024

- Đầu năm 2024 kết quả GDP tăng trưởng mạnh mẽ thể hiện qua mức tăng trưởng quý 1/2024 là 5.66%.

- Theo số liệu do Tổng cục Thống kê (GSO) công bố xuất khẩu hàng hóa ghi nhận tháng thứ 3 tăng trưởng hai con số, với mức tăng

Đẩy mạnh tích hợp đồng bộ, liên thông giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia để phát triển Chính phủ số và thúc đẩy các giao dịch thương mại trên môi trường số được thường xuyên, liên tục, an toàn.

- Thứ tư, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý thuế và thực hiện đồng bộ các giải pháp về hóa đơn điện tử, nhất là trong quản lý hoạt động thương mại điện tử.

- Thứ năm, các bộ, ngành, địa phương trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ động rà soát, khắc phục hiệu quả 6 nhóm vấn đề hạn chế, tồn tại, khuyết điểm như báo cáo của Bộ Công an đã chỉ ra, có lộ trình thực hiện (về pháp lý, dịch vụ công trực tuyến, hạ tầng số, an ninh, an toàn mạng, nguồn lực, chỉ đạo, điều hành...).

Nguồn: Chinhphu.vn

- Làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra quá trình niêm yết thực hiện các chính sách, quy định về giá, trong đó kiểm tra yếu tố hình thành giá, không để tăng lương dẫn đến tăng giá bất hợp lý, "thành thói quen", làm mất đi ý nghĩa của việc tăng lương. Phải kiểm tra, kiểm soát, giám sát, đặc biệt là đối với các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu, niêm yết giá tại các chợ truyền thống...

- Đồng thời, cần chú trọng công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế. Bộ Tài chính phối hợp, đôn đốc theo sát tình hình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn quy định chi tiết thi hành Luật Giá.

Nguồn: Chinhphu.vn

- UOB kỳ vọng Ngân hàng Nhà nước (NHNN) sẽ giữ nguyên lãi suất chính sách chủ chốt trong thời gian còn lại của năm 2024. Thay vì thay đổi lãi suất, NHNN đang tập trung thúc đẩy tăng trưởng tín dụng để hỗ trợ các hoạt động kinh tế, các lĩnh vực tăng trưởng mới, ...

- Mặc dù các yếu tố cơ bản trong nước được cải thiện, VNĐ vẫn bị ảnh hưởng bởi sức mạnh của USD trên diện rộng trong quý 2/2024 và được giao dịch ở mức thấp kỷ lục mới

15.8% so với cùng kỳ trong tháng 5, từ mức 10.6% trong tháng 4; trong khi nhập khẩu tăng 29.9% so với cùng kỳ từ 19.9% trong tháng 4. Tính từ đầu năm đến tháng 5, xuất khẩu tăng 16% so với cùng kỳ và nhập khẩu tăng 18.6% so với mức âm cùng kỳ 2023. Thặng dư thương mại lên tới 7.8 tỷ USD so với đầu năm trong tháng 5, thấp hơn mức 9.5 tỷ USD cùng kỳ năm ngoái.

- Dòng vốn FDI kể từ đầu năm đã tăng 7.8% so với cùng kỳ lên 8.3 tỷ USD trong tháng 5, nhanh nhất trong giai đoạn 5 tháng kể từ năm 2018, đứng sau kết quả dòng vốn vào kỷ lục 23.2 tỷ USD trong năm 2023. Dựa trên dữ liệu được công bố cho đến nay, UOB kỳ vọng tăng trưởng GDP sẽ tăng lên 6% so với cùng kỳ trong quý 2/2024, kéo dài mức tăng 5.66% trong quý 1/2024. UOB duy trì dự báo tăng trưởng của Việt Nam ở mức 6% cho năm 2024.

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Tuần 24 (10/06-14/06/2024)

- Lãi suất VND liên ngân hàng tăng ở tất cả các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống.

- NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất ở tất cả các phiên. Hết tuần, có tổng cộng 7.350 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất trúng thầu ở mức 4,25%. Bên cạnh đó, có 6.000 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua.

2.2. Thị trường ngoại hối

Tuần 24 (10/06-14/06/2024)

- Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá VND/USD tăng.

- Chỉ số USD Index giảm nhẹ ở phiên giữa tuần ở mức trên 104 điểm trước khi tăng mạnh trở lại trên 105 điểm vào phiên cuối tuần

gần 25,500 đồng/USD. Nhìn chung, dự báo USD/ VND cập nhật của UOB là 25,200 trong quý 3/2024, 25,000 trong quý 4.

FX & Rates	3Q24F	4Q24F	1Q25F	2Q25F
USD/VND	25,200	25,000	24,800	24,600
VND Refinancing Rate	4.50	4.50	4.50	4.50
Economic Indicator	2022	2023	2024F	2025F
GDP (%)	8.0	5.0	6.0	6.4
CPI (avg y/y %)	3.2	3.3	3.8	4.2
Current Account (% of GDP)	0.3	1.0	1.0	1.2
Fiscal Balance (% of GDP)	-4.5	-3.0	-2.6	-2.5

- Thị trường tiền tệ liên ngân hàng trong tuần từ 10-14/6, lãi suất VND liên ngân hàng tăng mạnh ở hầu hết các kỳ hạn qua tất cả các phiên. Chốt ngày 13/6, lãi suất VND liên ngân hàng giao dịch quanh mức: qua đêm 4,52% (+0,51 điểm phần trăm); 1 tuần 4,66% (+0,46 điểm phần trăm); 2 tuần 4,60% (+0,24 điểm phần trăm); 1 tháng 4,78% (+0,26 điểm phần trăm).

- Trên thị trường mở tuần từ 10-14/6, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 15.000 tỷ đồng, lãi suất giữ ở mức 4,5%. Có 5.106,84 tỷ đồng trúng thầu và 12.905,41 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

- Thị trường ngoại tệ trong tuần từ 10-14/6, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng-giảm qua phiên giữa tuần trước khi tăng trở lại vào cuối tuần. Chốt ngày 14/6, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.249 VND/USD, tăng 8 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

- Sở giao dịch NHNN tiếp tục niêm yết giá mua - bán USD ở mức 23.400 VND/USD, tỷ giá bán giao ngay ở mức 25.450 VND/USD ở tất cả các phiên.

- Tỷ giá LNH trong tuần từ 10-14/6 biến động nhẹ. Kết thúc phiên 14/06, tỷ giá LNH đóng cửa tại 25.454 VND/USD, tăng 54 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.3. Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp TPCP & TP CBLCP:

Tuần 24 (10/06-14/06/2024)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **5.570/8.500** tỷ đồng, giá trị trúng tương ứng với tỷ lệ là gần 66%.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với tuần trước: 5 năm - lãi suất 1,83 %; 10 năm - lãi suất 2,71 % (*tăng 0,03 điểm %*); 30 năm - lãi suất 3,1 % (*không tăng giảm điểm %*).

Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được **134.721** tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

Thị trường TPDN:

Trong tuần qua, tổng giá trị phát hành thành công tạm tính đạt 3.500 tỷ VND (nhóm ngân hàng chiếm 100%). Lũy kế từ đầu năm đến 14/06/2024 là 82.848 tỷ VND (có 86 đợt thông báo phát hành).

2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán:

Trong tuần qua các chỉ số **giảm**, thanh khoản các sàn đạt bình quân **28.035** tỷ đồng/phiên.

VN-Index ở phiên cuối tuần là **1.279,91** điểm (-7,67 điểm; **-0,60%**) và *HNX-Index* đóng cửa ở **243,97** điểm (-1,02 điểm; **-0,42%**) so với phiên cuối tuần trước.

Thị trường thứ cấp TPCP & TP CBLCP:

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 12.264 tỷ đồng/phiên, tăng 15.60% so với tuần trước, Lợi suất ngày cuối tuần của TPCP và TPCP BL biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại là:

5 năm	giảm	0.20	điểm%
7 năm	tăng	0.25	điểm%
10 năm	giảm	0.04	điểm%
15 năm	tăng	0.2	điểm%

Tuần qua NĐT NN bán ròng 682.97 tỷ đồng

Thời gian	Mua/Bán (tỷ VND)
Tuần 24 (10/06-14/06/2024)	682.97
Tháng 5-2024	1,329
Q1 - 2024	-911.04
Năm 2022	-8,065
Năm 2021	10,886

Tuần qua giao dịch thứ cấp TPDN riêng lẻ đạt 34.034 tỷ VND (Khối lượng 39.566).

Lũy kế từ khi có sàn giao dịch đạt giá trị 441.573 tỷ VND (KL đạt 1.143.907).

Nguồn: HNX, TTTT tổng hợp

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu¹/GDP² tại ngày 14/06/2024 là 68,8%, tăng 9,02 điểm % so với cuối năm 2023.

Tuần qua, khối ngoại đã **bán** ròng trên 3 sàn hơn 5.506 tỷ VND cổ phiếu.

Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã **bán** ròng trên 3 sàn hơn 42.750 tỷ VND cổ phiếu.

1. Vốn hóa cả 3 sàn ngày 14/06/2024: 7,173 triệu tỷ VND;

2. GDP TCTK lũy kế 4 Quý gần nhất: 10,419,5 triệu tỷ VND.

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

PHỤ LỤC
VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
	1. Chính phủ, bộ ngành			
TTCP	Quyết định 490/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương từ dự phòng chung, dự phòng nguồn ngân sách trung ương của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2024 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương	10/6/2024	10/6/2024	https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html?page=8
TTCP	Quyết định số 506/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phân công nhiệm vụ của các Phó Thủ tướng Chính phủ	13/6/2024	13/6/2024	https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpg/

II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
	2. Chính phủ, bộ ngành			
BTC	Dự thảo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi)	12/6/2024		https://chinhphu.vn/du-thao-vbqpl?
BTC	Dự thảo Thông tư hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp	10/6/2024		
BTC	Dự thảo Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)	13/6/2024		
NHNN	Dự thảo Thông tư quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành Ngân hàng	13/6/2024		
BKHĐT	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư	14/6/2024		
CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ	14/6/2024		https://luatvietnam.vn/du-thao.html

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA